

Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật

THÔNG TẮN XÃ VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP PHÓ BIÊN GIÁO
DỤC PHÁP LUẬT

TÓM TẮT

Số: 15

Ngày 23/4/2018

Bản tin hàng tuần
Ra ngày thứ hai

VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

VĂN BẢN MỚI

- Vi phạm hành chính trong lĩnh vực phân bón sẽ bị phạt tới 200 triệu đồng.
- 03 tiêu chí công nhận làng nghề truyền thống.
- Điều chỉnh cơ cấu cổ phần phát hành lần đầu của Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.
- Các tổ chức tín dụng không được thực hiện các giao dịch liên quan đến tiền ảo cho khách hàng.
- Tàu thuyền phải lắp đặt hệ thống nhận dạng tự động để đảm bảo an toàn khi hoạt động.
- Tổ chức tài chính vi mô tạm ngừng kinh doanh từ 5 ngày phải báo Ngân hàng Nhà nước.
- Tổng mức dư nợ quỹ tín dụng nhân dân đối với một khách hàng không được vượt quá 100 triệu đồng.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

Dự thảo Nghị định quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

- Trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo?
- Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo?
- Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo được quy định như thế nào?
- Nguyên tắc tổ chức hoạt động tín ngưỡng?

VĂN BẢN CỦA CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

1. VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC PHÂN BÓN SẼ BỊ PHẠT TỐI 200 TRIỆU ĐỒNG.

Mức phạt tiền tối đa cho một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phân bón đối với cá nhân là 100 triệu đồng, đối với tổ chức là 200 triệu đồng. Đây là nội dung được Chính phủ quy định tại Nghị định số 55/2018/NĐ-CP ngày 16/4/2018 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phân bón.

Theo đó mức phạt tiền cụ thể đối với các hành vi vi phạm như sau: phạt tiền từ 10– 15 triệu đồng đối với người trực tiếp quản lý, điều hành sản xuất phân bón không có trình độ đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành về lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật, nông hóa thổ nhưỡng, nông học, hóa học, sinh học; phạt tiền từ 25 – 30 triệu đồng đối với hành vi không thực hiện thử nghiệm đánh giá chất lượng của từng lô phân bón thành phẩm trước khi đưa phân bón ra lưu thông trên thị trường hoặc không thực hiện thu hồi phân bón theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Phạt tiền từ 80 đến 90 triệu đồng đối với hành vi sản xuất phân bón không có quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam có giá trị dưới 200 triệu đồng hoặc thu lợi bất chính dưới 100 triệu đồng trừ trường hợp sản xuất phân bón để nghiên cứu, khảo nghiệm; phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng dây chuyền, máy móc thiết bị sản xuất từ khâu xử lý nguyên liệu

Bản tin Tóm tắt văn bản pháp luật mới

đến sản phẩm cuối cùng không đáp ứng quy trình công nghệ theo đúng đăng ký cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất phân bón có yếu tố hạn chế vượt mức giới hạn tối đa.

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16/4/2018. Riêng mức phạt tiền từ 7 – 10 triệu đồng với trường hợp buôn bán phân bón khi không có Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón sẽ có hiệu lực thi hành từ ngày 20/9/2020 đối với tổ chức, cá nhân đã và đang hoạt động buôn bán phân bón trước ngày 20/9/ 2017.

2. 03 TIÊU CHÍ CÔNG NHẬN LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG

03 tiêu chí công nhận làng nghề truyền thống gồm: có tối thiểu 20% tổng số hộ trên địa bàn tham gia một trong các hoạt động hoặc các hoạt động ngành nghề nông thôn (như chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản; sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ; sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, đan lát, cơ khí nhỏ...); hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định tối thiểu 02 năm liên tục tính đến thời điểm đề nghị công nhận; đáp ứng các yêu cầu về điều kiện bảo vệ môi trường làng nghề theo quy định và có ít nhất một nghề truyền thống.

Nội dung này được quy định tại Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày

Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật

14/4/2018 về phát triển ngành nghề nông thôn.

Đề được công nhận nghề truyền thống, làng nghề truyền thống phải có hồ sơ đề nghị công nhận.

UBND quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị công nhận nghề truyền thống, làng nghề, nghề truyền thống theo 03 tiêu chí nêu trên trình UBND cấp tỉnh xét công nhận. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, UBND cấp tỉnh thành lập hội đồng xét duyệt, ra quyết định và cấp bằng công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống. Quyết định cũng có thể bị thu hồi trong trường hợp sau khi được công nhận nhưng không đủ 03 tiêu chí quy định nêu trên.

Sau khi được cấp Bằng công nhận làng nghề, làng nghề truyền thống sẽ được hưởng các chính sách về khoa học công nghệ, đào tạo nhân lực; được hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho các làng nghề và được hưởng các chính sách theo quy định chung về bảo vệ môi trường làng nghề tại Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015.

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/6/2018.

3. ĐIỀU CHỈNH CƠ CẤU CỔ PHẦN PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU CỦA CÔNG TY MẸ - TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM

Ngày 18/4/2018, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 421/QĐ-TTg về việc điều chỉnh cơ cấu cổ phần phát hành lần đầu của Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

Theo đó, tổng số cổ phần phát hành lần đầu của Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam là 4 tỷ cổ phần với mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Trong đó cổ phần nhà nước là: 3.870.842.819 cổ phần, chiếm 96,77% vốn điều lệ; cổ phần ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp là 28.813.371 cổ phần, chiếm 0,72% vốn điều lệ; cổ phần bán cho tổ chức Công đoàn trong doanh nghiệp là: 726.250 cổ phần, chiếm 0,02% vốn điều lệ; cổ phần của các cổ đông khác là: 99.617.560 cổ phần, chiếm 2,49% vốn điều lệ.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm chỉ đạo Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam chuẩn bị, tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu để chuyển doanh nghiệp thành Công ty cổ phần và thực hiện đăng ký doanh nghiệp, đồng thời thực hiện các thủ tục niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật.

Ban Chỉ đạo cổ phần hóa và người đại diện phần vốn nhà nước tại Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam có trách nhiệm bổ sung vào dự thảo Điều lệ để thông qua Đại hội đồng cổ đông lần đầu về quyền bán tiếp phần vốn nhà nước tại Công ty cổ phần sau khi Công ty cổ phần đã chính thức hoạt động theo phương án

cổ phần hóa đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 4 năm 2018.

VĂN BẢN CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

4. CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÔNG ĐƯỢC THỰC HIỆN CÁC GIAO DỊCH LIÊN QUAN ĐẾN TIỀN ẢO CHO KHÁCH HÀNG

Nhằm phòng chống rửa tiền, tăng cường các biện pháp kiểm soát, quản lý rủi ro giúp ngăn chặn việc lợi dụng hệ thống ngân hàng, hệ thống thanh toán cho mục đích mua bán, trao đổi tiền ảo hoặc sử dụng tiền ảo như phương tiện thanh toán, ngày 13/4/2018 Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành Chỉ thị số 02/CT-NHNN về các biện pháp tăng cường kiểm soát các giao dịch, hoạt động liên quan đến tiền ảo.

Theo đó, các tổ chức tín dụng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phải tăng cường rà soát, báo cáo kịp thời các giao dịch đáng ngờ có liên quan đến tiền ảo; rà soát các tổ chức, cá nhân có giao dịch mua bán, trao đổi tiền ảo, các tổ chức có hoạt động xử lý giao dịch mua bán, trao đổi tiền ảo và có biện pháp xử lý đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật về phòng chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố và quản lý ngoại hối.

Các tổ chức tín dụng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán không được cung ứng dịch vụ thanh toán, thực hiện giao dịch thẻ, cấp tín dụng qua thẻ, hỗ trợ xử lý, thanh toán, chuyển tiền, bù trừ và

quyết toán, chuyển đổi giao dịch tiền ảo cho khách hàng do có thể phát sinh những rủi ro về rửa tiền, tài trợ khủng bố, gian lận, trốn thuế.

Các đơn vị tại trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có trách nhiệm chủ động phối hợp với các Bộ, ngành liên quan trong việc đề xuất, xây dựng khung pháp lý quản lý, xử lý đối với các loại tiền ảo, tài sản ảo và đấu tranh phòng ngừa, ngăn chặn các hoạt động lợi dụng hệ thống ngân hàng, hệ thống thanh toán để mua bán, trao đổi tiền ảo, sử dụng tiền ảo làm phương tiện thanh toán trái pháp luật.

Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ chức năng, thẩm quyền, nhiệm vụ được giao, chủ động thông tin, tuyên truyền, phổ biến chủ trương và chỉ đạo của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các quy định pháp luật có liên quan đối với hoạt động tiền ảo tới các tổ chức tín dụng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán trên địa bàn để biết và thực hiện.

Chỉ thị có hiệu lực thi hành kể từ ngày 13/4/2018.

5. LẮP ĐẶT HỆ THỐNG NHẬN DẠNG TỰ ĐỘNG TẠI CÁC CẢNG BIỂN ĐỂ

ĐẢM BẢO AN TOÀN CHO TÀU THUYỀN HOẠT ĐỘNG

Ngày 9/4/2018 Bộ Giao thông vận tải đã ban hành Thông tư số 17/2018/TT-BGTVT quy định quản lý và khai thác thông tin nhận dạng tự động của tàu thuyền

Theo đó, Thông tư này quy định quản lý và khai thác thông tin nhận dạng tự động của tàu thuyền được quy định phải lắp đặt thiết bị nhận dạng tự động (AIS) hoạt động trong vùng nước cảng biển, tuyến vận tải ven biển, tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo và vùng nước cảng, bến thủy nội địa, đường thủy nội địa nằm trong phạm vi thu nhận bản tin AIS của trạm bờ AIS.

Thông tin AIS được khai thác sử dụng cho mục đích hỗ trợ công tác bảo đảm an toàn, an ninh, điều tra tai nạn, tìm kiếm cứu nạn, xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải và đường thủy nội địa; phòng ngừa ô nhiễm môi trường từ tàu thuyền và phục vụ công tác quản lý nhà nước chuyên ngành hàng hải và đường thủy nội địa. Thông tin AIS được cung cấp dưới dạng cấp tài khoản truy cập cơ sở dữ liệu; hoặc cung cấp trên Cổng thông tin điện tử, Trang thông tin điện tử của đơn vị thực hiện cung cấp thông tin; hoặc cấp dữ liệu theo từng vụ việc cụ thể cho tổ chức, cá nhân khai thác. Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam, Trung tâm Thông tin an ninh hàng hải, Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ đường thủy nội địa trực thuộc Cục Đường

thủy nội địa Việt Nam có trách nhiệm tổ chức thực hiện cung cấp thông tin AIS theo đúng quy định tại Thông tư này.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2018.

6. TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VI MÔ TẠM NGỪNG KINH DOANH TỪ 5 NGÀY PHẢI BÁO NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Ngày 09/04/2018, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành Thông tư 10/2018/TT-NHNN quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận những thay đổi của tổ chức tài chính vi mô (bao gồm: thay đổi về tên, địa điểm đặt trụ sở chính, mức vốn điều lệ, nội dung, phạm vi và thời hạn hoạt động, mua bán chuyển nhượng phần vốn góp của chủ sở hữu, của thành viên góp vốn, tạm ngừng hoạt động kinh doanh từ 05 ngày làm việc trở lên...).

Theo đó tổ chức tài chính vi mô đề nghị Ngân hàng Nhà nước (NHNN) chấp thuận những thay đổi nêu trên phải bằng tiếng Việt, do người đại diện hợp pháp của tổ chức tài chính vi mô ký. Trường hợp người đại diện ủy quyền ký, hồ sơ phải có văn bản ủy quyền được lập phù hợp với quy định của pháp luật, gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

Cụ thể trường hợp tạm ngừng kinh doanh từ 5 ngày làm việc trở lên, trừ trường hợp tạm ngừng hoạt động do sự kiện bất khả kháng, hồ sơ đề nghị gồm: văn bản đề nghị chấp thuận tạm ngừng hoạt động kinh doanh có các nội dung: số ngày và thời gian dự

kiến tạm ngừng hoạt động kinh doanh, lý do tạm ngừng, quyết định của Hội đồng thành viên thông qua việc tạm ngừng hoạt động kinh doanh, tài liệu chứng minh sự cần thiết phải tạm ngừng, phương án xử lý các rủi ro phát sinh. Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, NHNN có văn bản chấp thuận tạm ngừng hoạt động kinh doanh từ 5 ngày làm việc trở lên của tổ chức tài chính vi mô. Trường hợp từ chối, NHNN phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Sau khi nhận được văn bản chấp thuận của NHNN cho phép tạm ngừng hoạt động kinh doanh, chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày tạm ngừng hoạt động, tổ chức tài chính vi mô có trách nhiệm thông báo đến khách hàng, niêm yết thời gian và lý do tạm ngừng hoạt động kinh doanh tại trụ sở chính và cá địa điểm giao dịch.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01/06/2018.

7. TỔNG MỨC DƯ NỢ QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN ĐỐI VỚI MỘT KHÁCH HÀNG KHÔNG ĐƯỢC VƯỢT QUÁ 100 TRIỆU ĐỒNG

Ngày 30/03/2018, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư 09/2018/TT-NHNN quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tín dụng là hợp tác xã.

Theo đó, mạng lưới hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân bao gồm phòng giao dịch; Mạng lưới hoạt động của ngân hàng hợp tác xã bao gồm: Chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở

trong nước, văn phòng đại diện ở nước ngoài.

Trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố, ngân hàng hợp tác xã được thành lập 01 chi nhánh và thành lập mới không quá 05 chi nhánh trong 01 năm. Một chi nhánh không quản lý quá 03 phòng giao dịch. Riêng quỹ tín dụng nhân dân, được thành lập 01 phòng giao dịch trên địa bàn 01 xã, phường, thị trấn và tổng mức dư nợ cấp tín dụng của phòng giao dịch của ngân hàng hợp tác xã với một khách hàng không phải là quỹ tín dụng nhân dân thành viên không được vượt quá 01 tỷ đồng. Tổng mức dư nợ cấp tín dụng của phòng giao dịch quỹ tín dụng nhân dân đối với một khách hàng không được vượt quá 100 triệu đồng.

Thông đốc Ngân hàng Nhà nước có thẩm quyền bắt buộc chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện ở trong nước của ngân hàng hợp tác xã khi có bằng chứng chứng minh hồ sơ đề nghị thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện ở trong nước không đáp ứng đủ điều kiện thành lập. Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Ngân hàng Nhà nước, cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu ngân hàng hợp tác xã chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện ở trong nước. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản

Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật

yêu cầu ngân hàng hợp tác xã chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện ở trong nước. Ngân hàng hợp tác xã phải hoàn tất việc chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, đơn vị sự

nh nghiệp, văn phòng đại diện ở trong nước và báo cáo Ngân hàng Nhà nước kết quả chấm dứt hoạt động, giải thể.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 15/06/2018.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ CÁT, SỎI LÒNG SÔNG.

Bộ Tài nguyên và Môi trường đang tổ chức lấy ý kiến vào Dự thảo Nghị định quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông

Theo đó, cấm hoạt động khai thác khoáng sản, cát, sỏi lòng sông ở các khu vực đang bị sạt, lở làm ảnh hưởng trực tiếp đến sự ổn định, an toàn của bờ sông; làm suy giảm chức năng của hành lang bảo vệ nguồn nước hoặc gây ảnh hưởng nghiêm trọng, uy hiếp đến sự ổn định, an toàn của sông; khu vực đang bị sạt, lở làm ảnh hưởng trực tiếp đến sự ổn định, an toàn của công trình đê điều, thủy lợi, giao thông, cấp thoát nước, quan trắc và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác; khu vực đang bị sạt, lở làm ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống, sản xuất của tổ chức, cá nhân; sự ổn định, an toàn của khu đô thị, khu dân cư và các công trình dân sinh; các khu vực đang bị sạt lở khác do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, công bố hoặc thông báo.

Khu vực tạm thời cấm hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông được khoanh định khi có yêu cầu khác
Bản tin Tóm tắt văn bản pháp luật mới

phục hậu quả do các khu vực đã bị sạt lở gây ra hoặc là các khu vực có nguy cơ bị sạt lở hoặc có nguy cơ làm ảnh hưởng tới đời sống, sản xuất của người dân; phòng, chống, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra và các yêu cầu khác do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định.

Việc lập quy hoạch sử dụng tài nguyên cát, sỏi theo lưu vực sông được thực hiện theo các nguyên tắc phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, chiến lược khoáng sản của cả nước và khu vực liên quan; đảm bảo sự ổn định, cân bằng tự nhiên của lưu vực sông; phù hợp với trữ lượng, tài nguyên cát, sỏi lòng sông trong lưu vực sông, phù hợp với quy hoạch giao thông đường thủy nội địa, bảo đảm khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả cát, sỏi lòng sông phục vụ nhu cầu hiện tại của từng địa phương trong lưu vực sông và nhu cầu sử dụng cát, sỏi của các ngành kinh tế; bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hoá và các tài nguyên thiên nhiên khác.

Tổ chức, cá nhân hoạt động thăm dò, khai thác cát, sỏi lòng sông;

Số 15 ngày 23/4/2018 trang 7/11

Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật

khai thác khoáng sản khác trên sông phải được cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên nước chấp thuận bằng văn bản và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không làm giảm khả năng thoát lũ dẫn đến gây ngập úng bãi, vùng đất ven sông, sạt lở bờ, bãi sông và ảnh hưởng đến chức năng của hành lang bảo vệ nguồn nước; không gây bồi lắng, xói lòng sông làm đổi hướng

dòng chảy chủ lưu, gây mất ổn định bờ, bãi sông và ảnh hưởng đến chức năng nguồn nước; thực hiện các biện pháp phòng, chống ô nhiễm nguồn nước, bảo vệ môi trường, cảnh quan, hệ sinh thái ven sông; phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch tài nguyên nước và các quy hoạch khác có liên quan.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Hỏi: *Trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo?*

*** Trả lời:** Trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo được quy định tại Điều 3, Luật tín ngưỡng tôn giáo số 02/2016/QH14, có hiệu lực thi hành ngày 1/1/2018 như sau:

1. Nhà nước tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người; bảo đảm để các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật.

2. Nhà nước tôn trọng, bảo vệ giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của tín ngưỡng, tôn giáo, truyền thống thờ cúng tổ tiên, tôn vinh người có công với đất nước, với cộng đồng đáp ứng nhu cầu tinh thần của Nhân dân.

3. Nhà nước bảo hộ cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo và tài sản hợp pháp của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo.

2. Hỏi: *Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo?*

*** Trả lời:** Điều 5, Luật tín ngưỡng tôn giáo số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016 quy định các hành vi sau đây bị nghiêm cấm trong hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo:

1. Phân biệt đối xử, kỳ thị vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo.

2. Ép buộc, mua chuộc hoặc cản trở người khác theo hoặc không theo tín ngưỡng, tôn giáo.

3. Xúc phạm tín ngưỡng, tôn giáo.

4. Hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo xâm phạm quốc phòng, an ninh, chủ quyền quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, môi trường; xâm hại đạo đức xã hội; xâm phạm thân thể, sức khỏe, tính mạng, tài sản; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người khác; cản trở việc thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân; chia rẽ dân tộc; chia rẽ tôn giáo; chia rẽ người theo tín ngưỡng, tôn giáo với người không theo tín ngưỡng, tôn giáo, giữa những người theo các tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau.

5. Lợi dụng hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo để trục lợi.

3. Hỏi: *Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo được quy định như thế nào?*

*** Trả lời:** Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người dân được quy định tại Điều 6, Luật tín ngưỡng tôn giáo số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016 như sau:

1. Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào.

2. Mỗi người có quyền bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo; thực hành lễ nghi tín ngưỡng, tôn giáo; tham gia lễ hội; học tập và thực hành giáo lý, giáo luật tôn giáo.

3. Mỗi người có quyền vào tu tại cơ sở tôn giáo, học tại cơ sở đào tạo tôn giáo, lớp bồi dưỡng của tổ chức tôn giáo. Người chưa thành niên khi vào tu tại cơ sở tôn giáo, học tại cơ sở đào tạo tôn giáo phải được cha, mẹ hoặc người giám hộ đồng ý.

4. Chức sắc, chức việc, nhà tu hành có quyền thực hiện lễ nghi tôn giáo, giảng đạo, truyền đạo tại cơ sở tôn giáo hoặc địa điểm hợp pháp khác.

5. Người bị tạm giữ, người bị tạm giam theo quy định của pháp luật về thi hành tạm giữ, tạm giam; người đang chấp hành hình phạt tù; người đang chấp hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc có quyền sử dụng kinh sách, bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo.

4. Hỏi: *Nguyên tắc tổ chức hoạt động tín ngưỡng?*

*** Trả lời:** Điều 10, Luật tín ngưỡng tôn giáo số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016 quy định nguyên tắc tổ chức hoạt động tín ngưỡng như sau:

1. Hoạt động tín ngưỡng, lễ hội tín ngưỡng phải bảo đảm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

2. Việc tổ chức hoạt động tín ngưỡng, lễ hội tín ngưỡng phải bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, tiết kiệm, bảo vệ môi trường.